

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
Số. 188	ngày 18/11/2020
CHUYÊN	
Lãnh đạo CC	
Phòng	VP. Đỗ Xuân Bách
Sao	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/Interbos 2020



I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần Thực phẩm & Đồ Uống Quốc Tế.

Địa chỉ: Cụm công nghiệp sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Điện Thoại: 02321 3727 552

Fax: 02321 3727 558

Email:

Mã số doanh nghiệp: 0900276586 – đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 11/04/2019 do Sơ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

Số giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP: 001437.2016/ATTP-CNDK, cấp ngày 28/11/2016 bởi Cục An toàn thực phẩm - Bộ y tế.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Sữa chua hoa quả Höff vị chuối.
2. Thành phần: Nước, đường, sữa bột, chất ổn định (1442, 466, 406, 410), dầu cọ, chuối nghiền nhuyễn (2%), chất béo sữa, canxi photphat, hương kem và chuối tổng hợp, chất điều chỉnh độ axit (270), màu tự nhiên (I60a(ii)), vitamin nhóm B, kẽm, men *S.thermophilus* và *L.bulgaricus*.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 8 tháng.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 55 g
 - Chất liệu bao bì: Nhựa HDPE đảm bảo đạt yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Đính kèm bản Tự công bố này.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2010.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ban hành ngày 02/02/2018, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Quyết định số 46/2017/QĐ-BYT ban hành ngày 19/12/2007, Quyết định về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 5-5: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men.
- Và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan...

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 09 tháng 01 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



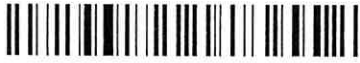
CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Thu Mai



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

BẢN SAO

Mã số mẫu	743-2019-00110388
Mã số kết quả	AR-19-VD-117303-01-VI / EUVNHC-00089631



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ

Cụm Công Nghiệp Sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang

Tỉnh Hưng Yên
Việt Nam

Tên mẫu:	Sữa chua hoa quả Höff vị chuối
Tình trạng mẫu:	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	26/12/2019
Thời gian thử nghiệm:	26/12/2019 - 31/12/2019
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:	31/12/2019
Mã số PO của khách hàng :	SWL2191226164-HN

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD354 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	MPN/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện (LOD=3)
3	VD389 VD (a)(f) <i>Listeria monocytogenes</i>	cfu/g	ISO 11290-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD580 VD (a) <i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	cfu/g	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:2003)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD129 VD Carbohydrates	%	AOAC 986.25 mod.	18.8
6	VD157 VD (a) Xơ dinh dưỡng	%	AOAC 991.43	0.97
7	VD165 VD (a)(f) Béo	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-050) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	3.30
8	VD263 VD (a)(f) Protein	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-047) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	3.04
9	VD304 VD (a)(f) Đường tổng	%	TCVN 4594:1988 (ST SEV 3450:1981)	14.8
10	VD543 VD Năng lượng	kcal/100 g	FAO 2013 77	117
11	VD652 VD (a) Acid béo bão hòa	%	Ref. ISO 5509:2000	1.77
12	VD652 VD (a) Acid béo dạng trans	%	Ref. ISO 5509:2000	Phát hiện vết (<0.015)
13	VD652 VD (a) Acid béo không bão hòa	%	Ref. ISO 5509:2000	1.53
14	VD565 VD (a) Vitamin B1	µg/100 g	Ref. BS EN 14122:2014	235.0

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
15	VD664 VD (a) Vitamin B3	mg/100 g	EN 15652 2009 mod.	2.37
16	VD866 VD (a) Vitamin B6	mg/100 g	BS EN 14663:2005 mod	0.30
17	VDVDD VD Vitamin D	µg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-0185) Tính toán	Không phát hiện (LOD=0.2)
18	VD210 VD (a)(f) Độ ẩm	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-048)	74.1
19	VD242 VD (a) pH		TCVN 7806:2007 (ISO 1842:1991)	4.52
20	VD297 VD (a)(f) Tro tổng	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-049) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	0.75
21	VD864 VD (a) Cholesterol	mg/100 g	AOAC 994.10 mod	6.6
22	VD128 VD (a) Canxi (Ca)	mg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-010) (Ref. AOAC 968.08 (2011))	146
23	VD255 VD (a) Kali (K)	mg/100 g	AOAC 969.23	126
24	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/100 g	AOAC 969.23	65.9
25	VD890 VD (a) Sắt (Fe)	mg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-243) (Ref. AOAC 2015.01)	0.13
26	VD855 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
27	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.02)
28	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
29	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.004)
30	VD888 VD (a) Antimon (Sb)	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-243) (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.02)
31	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/kg	ISO 14501:2007 mod	Không phát hiện (LOD=0.01)
32	VD572 VD Aldrin	mg/kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)
33	VD572 VD Cyfluthrin	mg/kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.01)
34	VD572 VD DDT	mg/kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)
35	VD572 VD Dieldrin	mg/kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)
36	VD572 VD Endosulfan (Tổng)	mg/kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)
37	VD020 VD (a) Melamin	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-0124) (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.05)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
38	VD559 VD <i>Benzylicillin</i>	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=3)
39	VD559 VD <i>Chlortetracycline</i>	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=100)
40	VD559 VD <i>Dihydro-streptomycin</i>	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=70)
41	VD559 VD <i>Gentamicin</i>	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=20)
42	VD559 VD <i>Oxytetracycline</i>	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=100)
43	VD559 VD <i>Procaïn Benzylicillin</i>	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=3)
44	VD559 VD <i>Spiramycin</i>	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=200)
45	VD559 VD <i>Streptomycin</i>	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=70)
46	VD559 VD <i>Tetracycline</i>	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=100)
47	VDFRU VD (a) Fructose	%	Ref. AOAC 977.20	Không phát hiện (LOD=0.2)
48	VDSAC VD (a) Sucrose	%	Ref. AOAC 977.20	10.8

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực: 11/.../SCT/BS
 Ngày: 20/20...
CÔNG TY TNHH SẮC KỲ HẢI ĐĂNG

Nguyễn Thị Phượng Vi
 Trưởng Phòng Dịch Vụ Khách Hàng

Lý Hoàng Hải
 Tổng Giám Đốc

PHÓ CHỦ TỊCH
Lý Văn Tông

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vi 02/01/2020

Ghi chú giải thích
 Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng.
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế



Interbos

KHÔNG/NO
CHẤT BẢO QUẢN/
PRESERVATIVE

Yokids

Höff

Sữa chua hoa quả



Banana yogurt

THÀNH PHẦN: Sữa chua, sữa bột (chứa Omega-3), sữa, sữa tươi (sữa cô chứa whey nguyên chất) và trái cây. LÁNH NHỮNG SẢN PHẨM CHỨA KEM VÀ LỢI HOẠT TÍNH, HỢP CHO CHẾ ĐỘ LÀNH HOẠT (LOW FAT). MÀU TỰ NHIÊN (NATURAL COLOURS). KHÔNG CHỨA CHẤT BẢO QUẢN VÀ/hoặc CHẤT ĐƯỜNG. **SẢN PHẨM CÓ CHỨA SỮA.**

INGREDIENTS: YOGURT, MILK, SWEETENED CONDENSED MILK, MILK, STERILIZED MILK, BANANA PULP (100% BANANAS), PREMIXED STABILIZER, OMEGA-3, BANANA EXTRACT, FLAVOURS, ADJUVANT. **DOES NOT CONTAIN PRESERVATIVES, COLOURS AND SUGAR. CONTAINS MILK.**

THÔNG TIN DINH DƯỠNG NUTRITION FACTS

Vị chua vị chuối/Flavour per unit
Khối lượng cung cấp/Help (55 g)
Serving size 1 yogurt cup (55 g)

Trọng lượng bình thường/Normal per serving
Năng lượng/Calories **63**

Vị chua vị chuối/Flavour		% Daily Value*	
Amount	% Daily Value	Amount	% Daily Value
Total Fat 2.5g	2%	Total Protein 2.5g	5%
Sodium 10mg	0.2%	Total Sugar 10g	20%
Total Fat 2.5g	2%	Total Sugar 10g	20%
Sodium 10mg	0.2%	Total Sugar 10g	20%
Total Fat 2.5g	2%	Total Sugar 10g	20%
Sodium 10mg	0.2%	Total Sugar 10g	20%
Total Fat 2.5g	2%	Total Sugar 10g	20%
Sodium 10mg	0.2%	Total Sugar 10g	20%
Total Fat 2.5g	2%	Total Sugar 10g	20%
Sodium 10mg	0.2%	Total Sugar 10g	20%

Sữa chua vị chuối

Khối lượng tịnh: 220 g (4 hộp x 55 g)
4-1.94 oz (55 g) cups - NET WT 7.8 oz (220 g)

Rất quan trọng tại 4°C/12°C. Keep Refrigerated at 4°C/12°C. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì/Production date and Expiry date see on label. Sản phẩm sử dụng 1 lần./Product for use time using.

Sản xuất bởi: Công ty cổ phần thực phẩm và đồ uống Quốc tế.
Địa chỉ: Lũm Cũ (số 8), xã Văn Tâm, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Made by: International Food and Beverage Jsc.
Add: Lũm Cũ Industrial Zone, Văn Tâm Commune, Văn Giang District, Hưng Yên province, Vietnam.
Hotline: 1800 59998 | Website: www.interbos.vn

